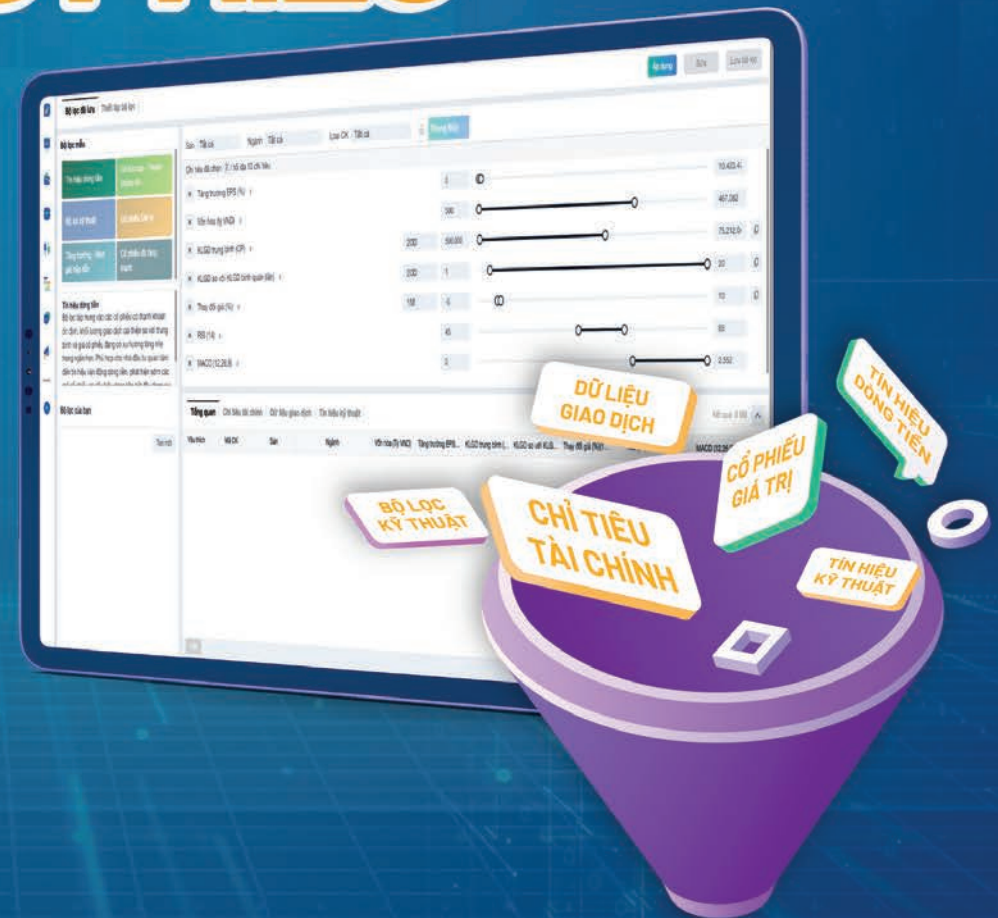


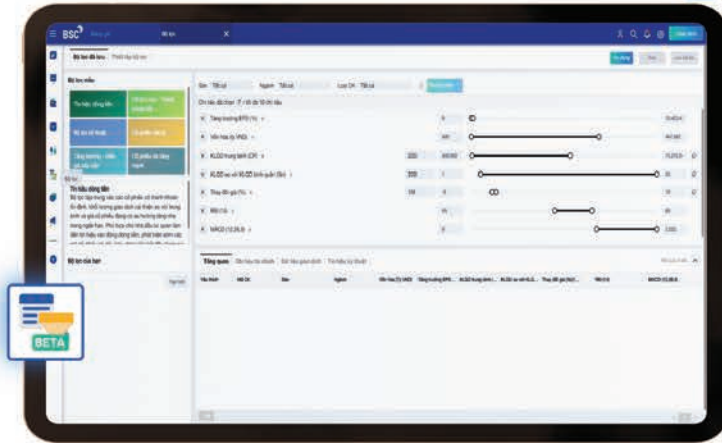
Hướng dẫn tính năng **BỘ LỌC CỔ PHIẾU**

- ★ **BỘ LỌC ĐA DẠNG**
- ★ **TÙY CHỈNH LINH HOẠT**
- ★ **LỌC CỔ PHIẾU THEO NGŨ HÀNH**



GIỚI THIỆU BỘ LỌC

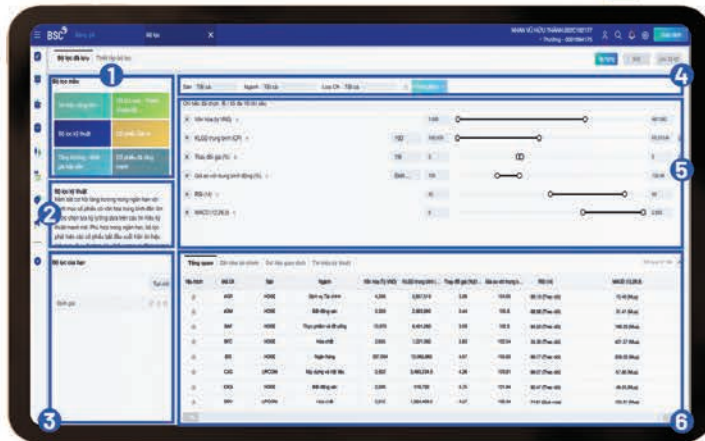
Truy cập Bộ lọc trên WebTrading



Tại thanh công cụ phía bên trái, chọn vào biểu tượng bộ lọc.



Giới thiệu màn hình bộ lọc



Màn hình bộ lọc được chia thành 6 phần:

Phần 1: Bộ lọc mẫu

Phần 2: Thông tin bộ lọc mẫu

Phần 3: Bộ lọc của bạn đã lưu

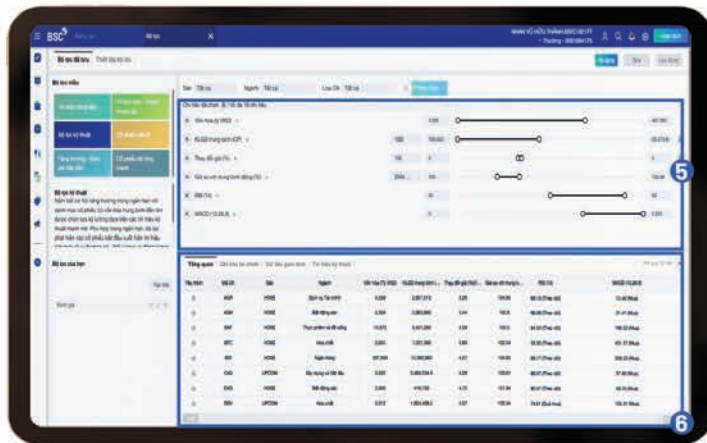
Phần 4: Tùy chỉnh bộ lọc theo: Ngành, Sàn, Phong thủy

Phần 5: Các tiêu chí đã chọn để lọc

Phần 6: Kết quả bộ lọc

SỬ DỤNG BỘ LỌC MẪU

Giới thiệu Bộ lọc mẫu

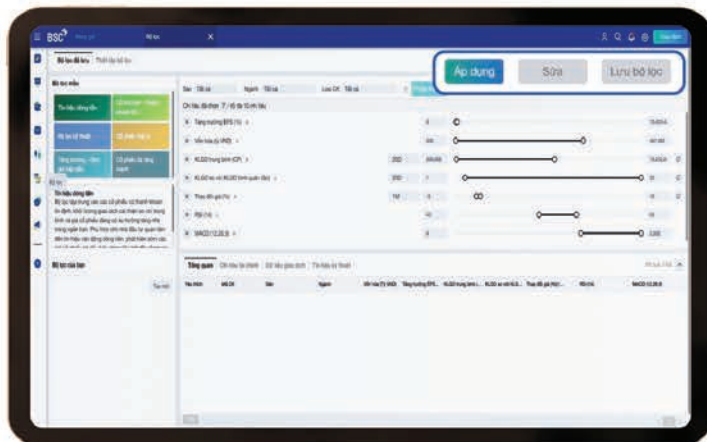


Bộ lọc mẫu là các bộ lọc do BSC đã thiết lập sẵn theo từng chủ đề, bao gồm:

Các bộ lọc mẫu cơ bản: Nhà đầu tư có thể xem chi tiết các tiêu chí (**Phần 5**) và kết quả (**Phần 6**)

Các bộ lọc mẫu nâng cao: Nhà đầu tư chỉ xem được các tiêu chí, và cần đăng nhập hoặc nâng cấp gói để xem kết quả

Tùy chỉnh Bộ lọc mẫu



Dựa trên các tiêu chí sẵn có, NĐT có thể tùy chỉnh thay đổi tham số lọc, thêm, bớt các tiêu chí theo nhu cầu.

Sau khi thay đổi các chỉ tiêu phù hợp, cần ấn nút **Áp dụng** để làm mới Kết quả/ hoặc ấn **Lưu bộ lọc** để Bộ lọc trở thành 1 phần của **"Bộ lọc của bạn"**

THIẾT LẬP BỘ LỌC

Lựa chọn tiêu chí lọc

Tiêu chí bộ lọc

Tìm kiếm tiêu chí bộ lọc

Chỉ tiêu tài chính 1/61

Cổ tức 1/4

- ☒ Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)
- ☐ Tỷ suất cổ tức (%)
- ☐ Cổ tức 4 quý (VND)
- ☐ EPS 4 quý (VND)

Định giá

- ☐ PE (lần)
- ☐ PB (lần)
- ☐ PS (lần)
- ☐ EV/EBIT (lần)
- ☐ EV/EBITDA (lần)
- ☐ P/FCF (lần)

Selected Indicators:

- Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)
- Tỷ suất cổ tức (%)
- Cổ tức 4 quý (VND)
- EPS 4 quý (VND)
- PE (lần)
- PB (lần)
- PS (lần)

Người dùng có thể chọn các tiêu chí liên quan tới Chỉ tiêu tài chính, Dữ liệu giao dịch hay Tín hiệu kỹ thuật.

Những chỉ tiêu có hình khóa bên cạnh cần phải đăng nhập hoặc nâng cấp gói mới có thể sử dụng được.

Có thể thêm hoặc xóa bớt tiêu chí bộ lọc bằng cách tick chọn vào các tiêu chí tại tab **"Thiết lập bộ lọc"** hoặc có thể ấn nút **"Xóa"** ở màn hình các tiêu chí đã chọn của bộ lọc.

Tùy chỉnh lọc

Người dùng có thể điều chỉnh những chỉ tiêu cơ bản như Sàn (Hose, HNX, UPCOM), Ngành (Y tế, Tiêu dùng,...), Loại chứng khoán (Cơ sở, Phái sinh,...) để lọc tại vùng này.

Những chỉ tiêu có hình khóa bên cạnh cần phải đăng nhập hoặc nâng cấp gói mới có thể sử dụng được.

Chi tiết Tiêu chí lọc

Sau khi chọn, Tiêu chí sẽ được tick và chuyển sang **Phần 5**. Di chuột vào biểu tượng để xem thông tin và hướng dẫn cụ thể của từng tiêu chí lọc.

Kết quả bộ lọc

Xem kết quả bộ lọc

Ở phần kết quả, có 4 tab thông tin bao gồm Tổng quan, Chỉ tiêu tài chính, Dữ liệu giao dịch và Tín hiệu kỹ thuật.

Tổng quan: Danh sách mã chứng khoán thỏa mãn các tiêu chí lọc, cột các tiêu chí lọc đã chọn

Tổng quan										
Yêu cầu	Mã CK	Sàn	Ngành	Vốn hóa (tỷ VND)	Phu nợ phòng trừ	KLO trung bình...	Thay đổi giá (%)...	Giá so với trung b...	ROI (%)	MACD (12,26,9)
★	BPC	HOSE	Thủy sản	2,458	★★★★	1,092,010	4.73	103.57	17.64 (Theo dõi)	-447.52 (Mau)
★	BID	HOSE	Năng lượng	264,548	★★	12,396,950	3.71	104.89	10.73 (Quá mua)	343.86 (Mau)
★	CAN	UPCOM	Xây dựng và vật liệu	3,488	★★★★	3,542,014.9	3.19	102.79	86.07 (Theo dõi)	17.80 (Mau)
★	CKG	HOSE	Năng lượng	2,484	★★★★	409,970	4.07	101.4	98.89 (Theo dõi)	43.17 (Mau)
★	CTG	HOSE	Năng lượng	280,037	★★	13,142,820	4.7	104.87	14.83 (Quá mua)	588.43 (Mau)
★	DNC	HOSE	Thủy sản và đồ uống	17,385	★★★★	11,080,760	3.8	102.85	82.05 (Theo dõi)	199.50 (Mau)
★	DDV	UPCOM	Thủy sản	5,073	★★★★	1,842,329.2	4.57	102.34	74.81 (Quá mua)	106.31 (Mau)
★	DPO	HOSE	Xây dựng và vật liệu	4,889	★★★★	3,960,260	3.52	104.11	81.28 (Theo dõi)	242.43 (Mau)
★	DVH	HOSE	Năng lượng	21,308	★★★★	34,887,585	4.57	103.27	73.71 (Quá mua)	48.84 (Mau)

3 tab Chỉ tiêu tài chính, Dữ liệu giao dịch, Tín hiệu Kỹ thuật: Danh sách mã chứng khoán thỏa mãn các tiêu chí lọc kèm các chỉ tiêu bổ sung được sắp xếp theo nhóm để người dùng có thể nghiên cứu thêm.

Chỉ tiêu tài chính										
Yêu cầu	Mã CK	PE (B)	PD (B)	EPS + lợi nhuận...	ROE (%)	ROA (%)	Điểm lợi nhuận sau thuế...	Tăng trưởng lợi nhuận...	Tăng trưởng doanh thu...	Chỉ số nợ trên tổng tài...
★	BPC	7.99	1.71	5,802	27.53	11.87	3.97	-22.48	21.21	0.21
★	BID	11.2	1.61	3,300	17.29	0.99	16.63	5.71	9.12	0
★	CAN	34.1	0.88	294	2.6	1.09	3.08	-85.28	7.48	0.32
★	CKG	25.89	1.25	882	6.84	2.15	10.03	-50.69	-41.67	0.36
★	CTG	8.83	1.84	5,586	19.87	1.75	21.22	80.28	14.11	0
★	DNC	7.72	1.69	4,752	32.05	10.88	10.75	246.60	19.00	0.34
★	DDV	14.2	2.63	2,418	19.35	14.72	9.01	139.45	70.99	0
★	DPO	19.3	1.8	2,041	13.5	5.39	5.2	41.9	18.00	0.40
★	DVH	67.49	1.18	555	3.80	2.05	13.54	190.64	-7.13	0.18

Dữ liệu giao dịch										
Yêu cầu	Mã CK	KLO trung bình (CP)	KLO trung bình (ĐH)	KLO trung bình (ĐH)	Điểm mua ròng khối lượng...	Điểm mua ròng khối lượng...	Thay đổi giá (%)...	Thay đổi giá (%)...	Thay đổi giá (%)...	Thay đổi giá (%)...
★	BPC	1,092,010	47,336.3	4,790	319.97	4.73	103.57	17.64	10.73	10.73
★	BID	12,396,950	406,743.68	-133,838	-5,406.19	3.71	104.89	8.54	9.3	7.85
★	CAN	3,542,014.9	33,022.31	0	0	3.19	102.79	10.29	10.29	6.00
★	CKG	409,970	8,868.38	0	0	4.07	101.4	-4.35	-4.35	-16.63
★	CTG	13,142,820	619,821.05	-407,894	-36,000.83	4.7	104.87	14.83	14.83	14.83
★	DNC	11,080,760	307,479.49	-650,847	-17,365.04	3.8	102.85	82.05	82.05	82.05
★	DDV	1,842,329.2	14,623.21	-10,740	-945.61	4.57	102.34	74.81	74.81	74.81
★	DPO	3,960,260	157,013.68	-4,356	-21.48	3.52	104.11	81.28	81.28	81.28
★	DVH	34,887,585	615,860.15	-41,004	-1,174.24	4.57	103.27	73.71	73.71	73.71

Tín hiệu kỹ thuật										
Yêu cầu	Mã CK	RSI (14)	MACD (12,26,9)	Giá so với trung bình động (NUE)	Bollinger Band (20,2)	SI (5) và SI (MA 20) (SI)	SI (5) và SI (MA 20) (SI)	SI (5) và SI (MA 20) (SI)	SI (5) và SI (MA 20) (SI)	SI (5) và SI (MA 20) (SI)
★	BPC	57.34 (Theo dõi)	-447.52 (Mau)	1.03	71.19 (Quá bán)	102.89 (Mau)	102.89 (Mau)	102.89 (Mau)	102.89 (Mau)	102.89 (Mau)
★	BID	73.70 (Quá mua)	343.86 (Mau)	1.05	105.89 (Quá mua)	104.83 (Mau)	104.83 (Mau)	104.83 (Mau)	104.83 (Mau)	104.83 (Mau)
★	CAN	86.07 (Theo dõi)	17.80 (Mau)	1.02	81.81 (Quá bán)	106.58 (Mau)	106.58 (Mau)	106.58 (Mau)	106.58 (Mau)	106.58 (Mau)
★	CKG	50.39 (Theo dõi)	43.17 (Mau)	1.01	73.81 (Quá bán)	105.06 (Mau)	105.06 (Mau)	105.06 (Mau)	105.06 (Mau)	105.06 (Mau)
★	CTG	74.92 (Quá mua)	588.43 (Mau)	1.05	108.25 (Quá mua)	104.82 (Mau)	104.82 (Mau)	104.82 (Mau)	104.82 (Mau)	104.82 (Mau)
★	DNC	82.05 (Theo dõi)	199.50 (Mau)	1.03	81.83 (Quá bán)	103.37 (Mau)	103.37 (Mau)	103.37 (Mau)	103.37 (Mau)	103.37 (Mau)
★	DDV	74.81 (Quá mua)	106.31 (Mau)	1.03	81.78 (Quá bán)	107.16 (Mau)	107.16 (Mau)	107.16 (Mau)	107.16 (Mau)	107.16 (Mau)
★	DPO	81.28 (Theo dõi)	242.43 (Mau)	1.04	86.80 (Quá bán)	100.67 (Mau)	100.67 (Mau)	100.67 (Mau)	100.67 (Mau)	100.67 (Mau)
★	DVH	73.71 (Quá mua)	48.84 (Mau)	1.00	86.87 (Quá bán)	106.36 (Mau)	106.36 (Mau)	106.36 (Mau)	106.36 (Mau)	106.36 (Mau)

Người dùng cũng có thể lưu mã chứng khoán vào danh sách yêu thích bằng cách tick chọn sao.

Lưu kết quả “Bộ lọc của bạn”

Bộ lọc của bạn

Tạo mới

Định giá	  
Cổ Tức	  
Tăng Trưởng	  
Quy Mô	  
Khối Ngoại	  

Nhà đầu tư có thể lưu Bộ lọc vừa thiết lập để sử dụng cho các lần sau. Các bộ lọc đã lưu sẽ hiển thị trong phần **“Bộ lọc của bạn”**.

Nhà đầu tư có thể thay đổi tên, nhân bản bộ lọc và xóa bộ lọc tại đây.

Đánh giá phong thủy

Với tính năng đánh giá phong thủy, Nhà đầu tư chọn năm cần xem phong thủy và mệnh của người cần xem. Kết quả trả ra sẽ đánh dấu * theo mức độ phù hợp, càng nhiều * thì mức độ phù hợp càng cao.

☒ Phong thủy >

Năm

2025

Mệnh

Mộc